

Số: 44 /2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tiếp cận thông tin ngày 04 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1107/TTr-STNMT ngày 15 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 và thay thế Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các

huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Website Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh,
- Lưu VT, THNC, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2019/QĐ-UBND ngày 20 / 12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám; phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP). Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng và các quy định khác của pháp luật (sau đây viết tắt là Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh Đồng Nai bao gồm: Thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP trừ thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

Điều 3. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Đồng Nai do Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, xây dựng, quản lý và tổ chức lưu trữ.

Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.
8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, UBND các cấp bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

3. Chi phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các đơn vị có liên quan và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Việc điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

3. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do các đơn vị trực tiếp thực hiện, quản lý giao nộp”.

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng cho nhà nước phục vụ lợi ích chung của đất nước.

Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 9. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ thu sản phẩm.

2. Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động theo quy định của pháp luật phải thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của các số liệu quan trắc.

3. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp được cơ quan lưu trữ xác nhận là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Chương III

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập sẽ được đánh giá, phân loại, xử lý và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường như sau:

1. Các bộ dữ liệu dạng giấy và dạng số do các tổ chức, cá nhân giao nộp quy định tại Khoản 1, Điều 9 Quy chế này được lưu trữ, phân loại tại hệ thống điều hành tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường, được công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung, thông tin dữ liệu công bố thực hiện theo Phụ lục II, Phụ lục III, Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; các quy hoạch, kế hoạch; số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá: dữ liệu được cập nhật là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành, phê duyệt (đã có hiệu lực pháp luật).

3. Đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Dữ liệu được cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu thành phần. Hồ sơ, tài liệu dạng giấy được số hóa và xử lý, đính kèm tương ứng với thông tin thuộc tính.

4. Các nguồn thông tin, dữ liệu được thu thập từ các thiết bị tự động được truyền nhận liên tục về cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 11. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, thất lạc phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép và lưu trữ định kỳ tối thiểu 01 tháng/lần và các trường hợp sao lưu đột xuất khác.

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 6 tháng/lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan;

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm phải tổ chức, kiểm tra đánh giá an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống.

Điều 12. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn thông tin tại

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Điều 13. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập được phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn và kéo dài thời hạn sử dụng của thông tin.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên **cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường** nhằm phục vụ cho cộng đồng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình UBND tỉnh công bố theo quy định.

Điều 15. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử, dịch vụ SMS, ứng dụng thiết bị di động hoặc dịch vụ dữ liệu trực tuyến.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu thông qua phiếu, yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử, dịch vụ SMS, ứng dụng thiết bị di động hoặc dịch vụ dữ liệu trực tuyến của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử, dịch vụ

SMS, ứng dụng thiết bị di động hoặc dịch vụ dữ liệu online phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ hoặc cho người khác sử dụng địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

3. Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu;

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định.

4. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố.

Điều 17. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu qua văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu theo hình thức phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu lập phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc trên môi trường mạng điện tử cho đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tiếp nhận kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) hoặc cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết;

c) Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính thì trong thời hạn không quá 02 ngày, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân.

2. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu;

- b) Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu cần cung cấp;
- c) Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu;
- d) Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu và phương thức nhận kết quả.

3. Văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và đóng dấu xác nhận. Phiếu yêu cầu của cá nhân phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu.

4. Trường hợp người có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì văn bản yêu cầu phải được tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký xác nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các bộ, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 18. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện dựa trên Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.
2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu.
3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.
4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 Quy chế này.
5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu đã cung cấp.

7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu của mình.

8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 20. Thấm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Đối với các thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc cung cấp thông tin bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; độ Mật cho cá nhân, tổ chức nước ngoài khi tiến hành chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ;

b) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định việc cung cấp thông tin bí mật nhà nước độ Mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp hoặc phân công cho các đơn vị trực thuộc cung cấp các thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường không thuộc Khoản 1 Điều này.

3. Dạng dữ liệu cung cấp:

a) Khai thác để thực hiện việc nghiên cứu, xây dựng các dự án, nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên môi trường thì được cung cấp dạng file biên tập được;

b) Khai thác phục vụ cho các mục đích khác ngoài quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này được cung cấp dạng file pdf, jpeg, gif, tiff, png, mp3, mpeg-1, mpeg-2;

c) Trường hợp khai thác dữ liệu dạng file được quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này phải có ý kiến của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 21. Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin không đảm bảo các nội dung theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, Điều 17 Quy chế này.

2 Mục đích sử dụng dữ liệu không phù hợp theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 22. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện theo nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước có liên quan.
3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.
4. Việc kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải đảm bảo thông qua trực liên thông của tỉnh và trực liên thông quốc gia.

Điều 23. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin dữ liệu quan trắc của các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc tài nguyên môi trường tự động phải được truyền nhận liên tục 05 phút/lần về Sở Tài nguyên và Môi trường và chia sẻ các địa phương giáp ranh khi cần thiết.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo các điều kiện hạ tầng, kỹ thuật sẵn sàng kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tự động, liên tục về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý đáp ứng theo quy định Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; phê duyệt và tổ chức chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh; tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá,

quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định đã được ban hành;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm;

c) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, ban hành các tài liệu kỹ thuật phục vụ việc kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường;

đ) Bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp để bảo đảm an toàn thông tin.

e) Toàn bộ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh được tổ chức, lưu trữ tại hệ thống, điều hành tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

g) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường qua Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên và môi trường.

h) Phân công, chỉ đạo phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc có chức năng quản lý, sử dụng và cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này và theo quy định pháp luật.

3. Sở Tài chính

Xem xét, thẩm định kinh phí kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm.

4. UBND các huyện và thành phố

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, thành phố và UBND các phường, xã, thị trấn cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn các huyện, thành phố cho Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua đơn vị có chức năng trực thuộc Sở trước ngày 30 tháng 11 hàng năm;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm;

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan và ký biên bản xác nhận việc cung cấp thông tin, tài liệu cho đơn vị thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

5. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực phụ trách; giao nộp và ký biên bản xác nhận cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua đơn vị có chức năng) 01 (một) bộ dữ liệu liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Điều 25. Xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thì được xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 16/11/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định tại kế hoạch, văn bản thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước đó.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung, công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 26. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh